

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – VINH LONG
TỈNH VINH LONG
Số: 07/2026/QĐST-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Vinh Long, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 124/2025/TLST-DS, ngày 28/05/2025, 20/06/2025, 12/12/2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Văn B**, sinh năm 1942

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1948

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn của ông B, bà T: Ông **Đặng Văn Thổ**, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1965

Bà **Nguyễn Thị Phụng L1**, sinh năm 1978

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

Ông **Nguyễn Văn Hoàng**, sinh năm 1968

Nơi cư trú: ấp C, xã D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp C, xã D, tỉnh Vĩnh Long).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng: Bà **Nguyễn Thị Phụng L1**, sinh năm 1978, cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp C, xã D, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 25/06/2025).*

Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1974

Nơi cư trú: ấp E, xã G, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Nay là ấp E, xã G, Thành phố Hồ Chí Minh)

*Người đại diện theo ủy quyền của ông T3: Bà **Nguyễn Thị Phụng L1**, sinh năm 1978, cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 25/06/2025).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Văn T2, sinh năm 1975

Bà Mai Thị Mỹ H2, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Ông **Phan Văn T2**, sinh năm 1975, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025).*

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968.

Nơi cư trú: ấp E, xã G, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp E, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nhứt: Bà **Nguyễn Thị Phụng L1**, sinh năm 1978, cùng nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long, theo văn bản ủy quyền ngày 07/08/2025).*

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/Công nhận hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất lập ngày 16/06/1992, lập bằng giấy tay giữa ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị T với đối với ông Nguyễn Văn Rậm, bà Nguyễn Thị T đã chết có các con kế quyền, nghĩa vụ là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Phụng L1 đối với phần đất diện tích 3.290m² thuộc chiết thửa 339, loại đất lúa, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp A, xã B huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cũ (đo đạc thực tế là thửa 116-1, diện tích 3.379,8m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 83, tọa lạc ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Thị T đứng tên và phần đất diện tích 3.260m² thuộc thửa 561, loại đất lúa, tờ

bản đồ số 2, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cũ (*đo đạc thực tế là thửa 194, diện tích 3.686,8m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 83, tọa lạc ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long*) do hộ ông Phan Văn B đứng tên là có hiệu lực pháp luật.

2.2/Công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 09/02/2005, lập bằng giấy tay giữa ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị T với ông Phan Văn T2 đối với phần đất lúa, diện tích 3.290m² thuộc chiết thửa 339, tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*đo đạc thực tế là thửa 116-1, diện tích 3.379,8m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 83, tọa lạc ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long*) do bà Nguyễn Thị T đứng tên là có hiệu lực pháp luật.

2.3/*Về phần đất*: Các đương sự thống nhất diện tích theo hiện trạng đo đạc thực tế theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất và thỏa thuận như sau:

- Ông Phan Văn T2, bà Mai Thị Mỹ H2 tiếp tục quản lý, sử dụng một phần đất thuộc thửa 339, diện tích 3.290m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cũ (*đo đạc thực tế là thửa 116-1, diện tích 3.379,8m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 83, tọa lạc ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long*), cụ thể sử dụng qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 (*có kết quả đo đạc hiện trạng khu đất kèm theo*).

- Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Phụng L1 quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa 561, diện tích 3.260m², tờ bản đồ số 2, tọa lạc ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (*đo đạc thực tế là thửa 194, diện tích 3.686,8m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 83, tọa lạc ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long*) cụ thể qua các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 1 (*có kết quả đo đạc hiện trạng khu đất kèm theo*).

Các đương sự ông Phan Văn T2, bà Mai Thị Mỹ H2 có quyền, nghĩa vụ thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất trên theo quy định của pháp luật đất đai.

Đối với phần đất bà Nguyễn Thị Phụng L1 quản lý, sử dụng phải làm thủ tục thừa kế với các ông Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3 trước khi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Do các đương sự không có yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án, yêu cầu để các đương sự tự thỏa thuận sau khi giải quyết xong vụ án này.

2.4/*Về cây trồng, vật kiến trúc*: Không có.

2.5/*Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc và định giá tài sản*: Thống nhất chi phí là 5.509.047đ, ông Phan Văn T2 đã nộp xong, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị Phụng L1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T3 và ông Phan

Văn T2 thỏa thuận mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ là 2.754.523đ, nên ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị Phụng L1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T3 phải hoàn trả lại cho ông Tuấn là 2.754.523đ.

2.6/*Về án phí*: Nguyên đơn ông Phan Văn B, bà Nguyễn Thị T; bị đơn ông Nguyễn Văn L được miễn tiền án phí do là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí.

Các bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị Phụng L1 phải nộp 150.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan ông Phan Văn T2, bà Mai Thị Mỹ H2 phải nộp 75.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ qua số tiền ông Tuấn đã nộp là 600.000đ theo biên lai 0002424 và 600.000đ theo biên lai 0011861 tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long nên ông T2, bà H2 được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.125.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Vĩnh Long;
- Dương sự;
- Lưu./.

THẨM PHÁN

Huỳnh Công Hảo